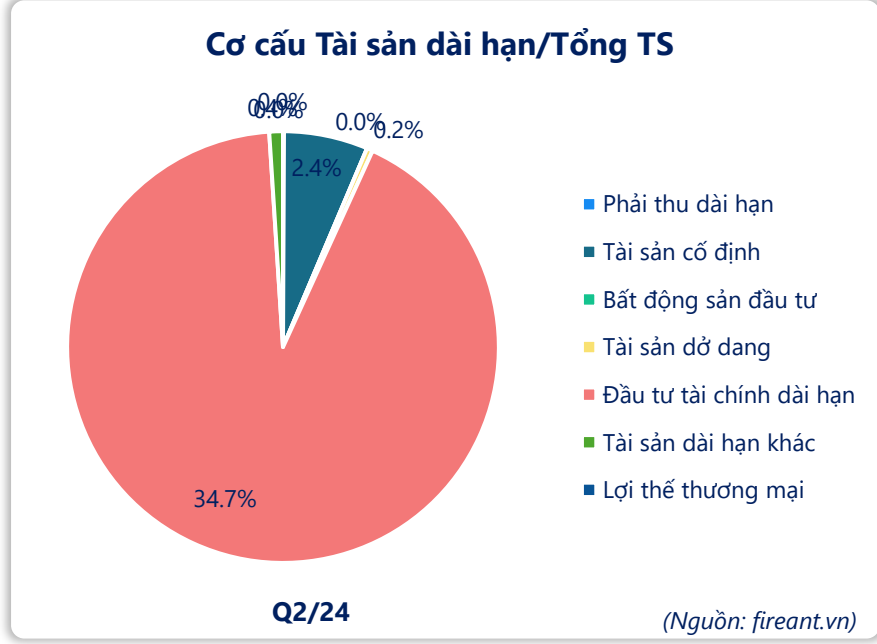
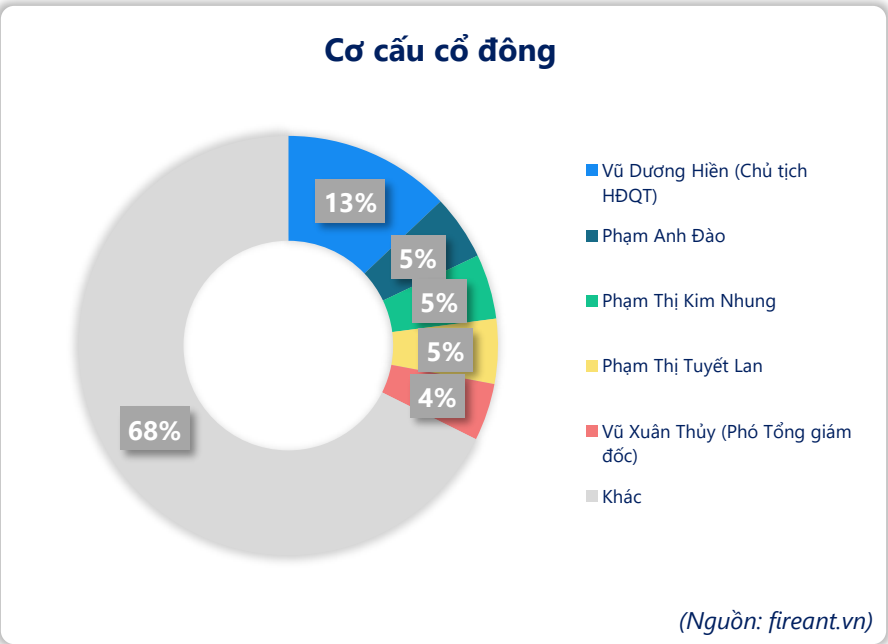
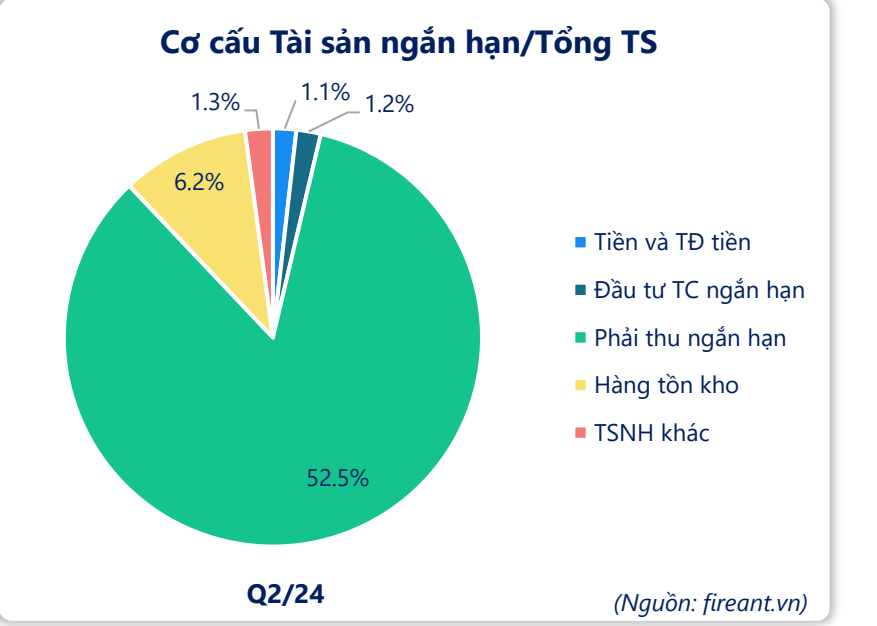
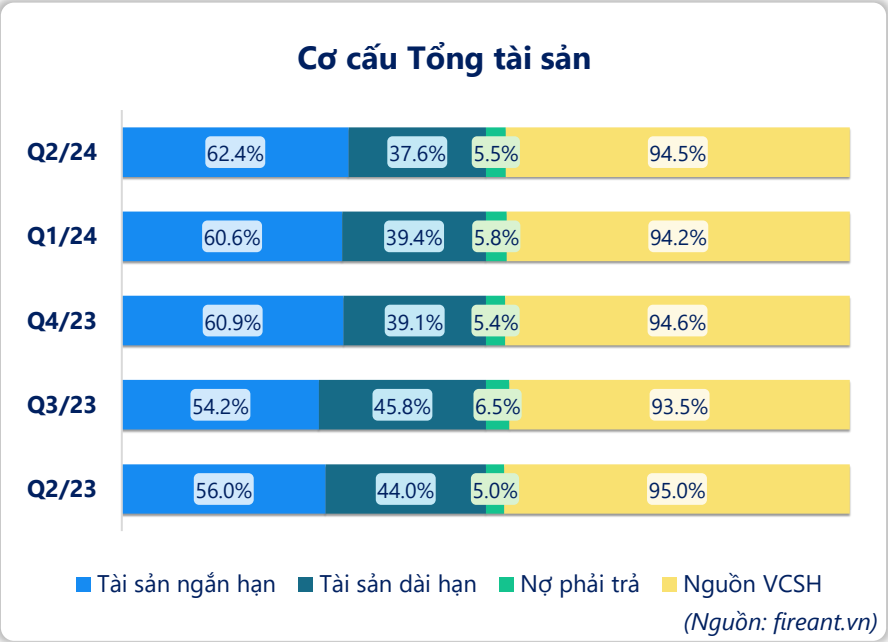
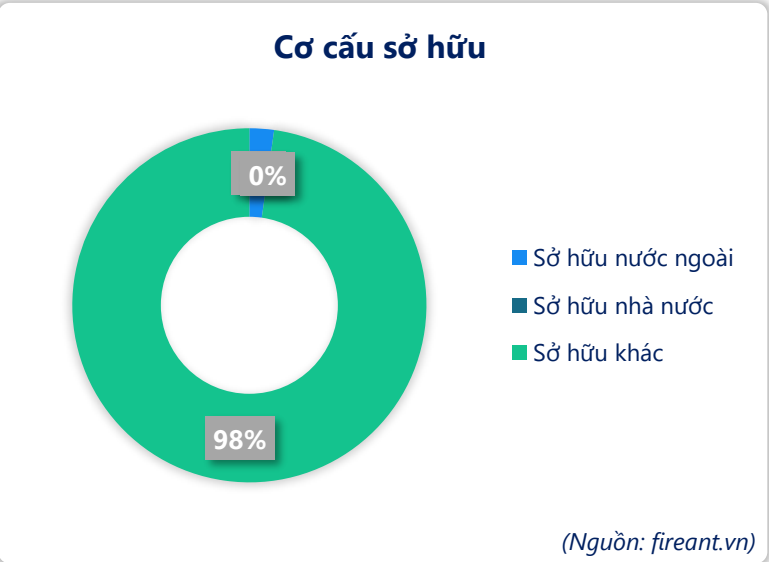
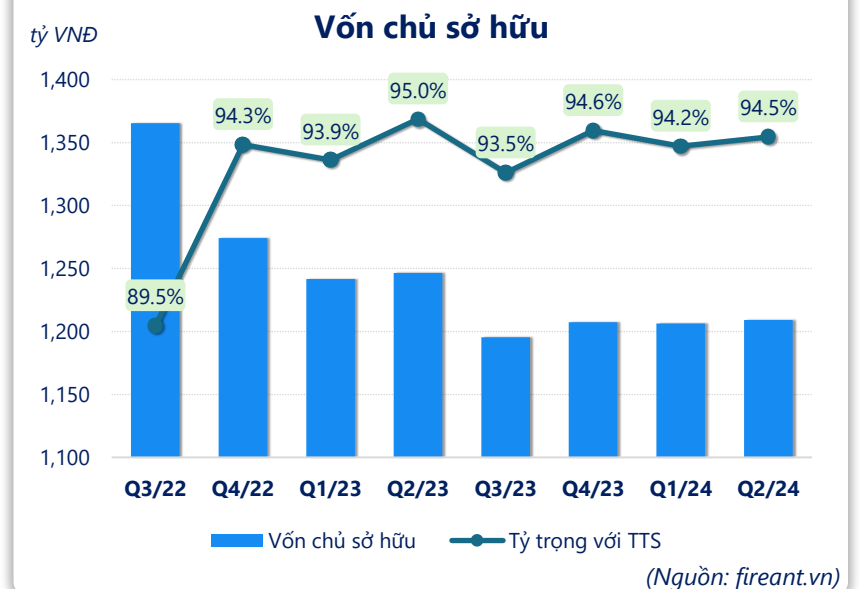
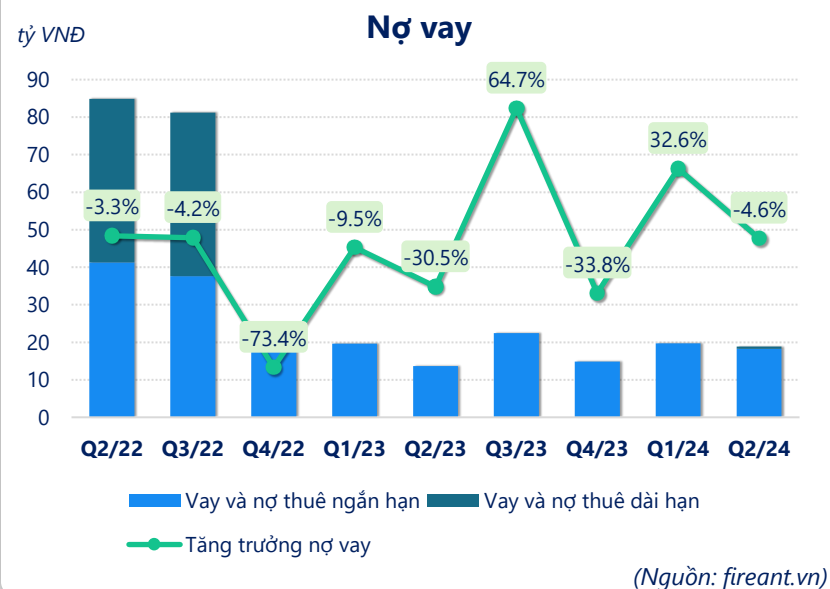
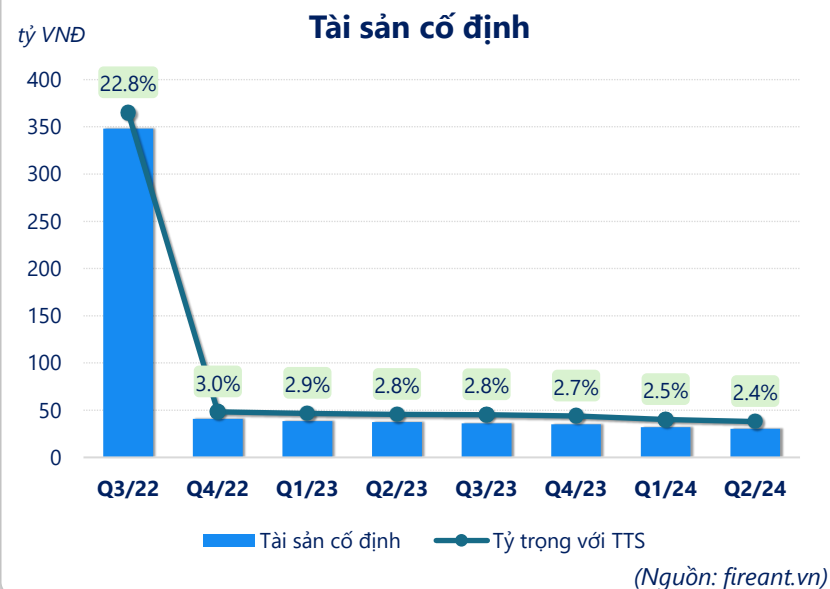
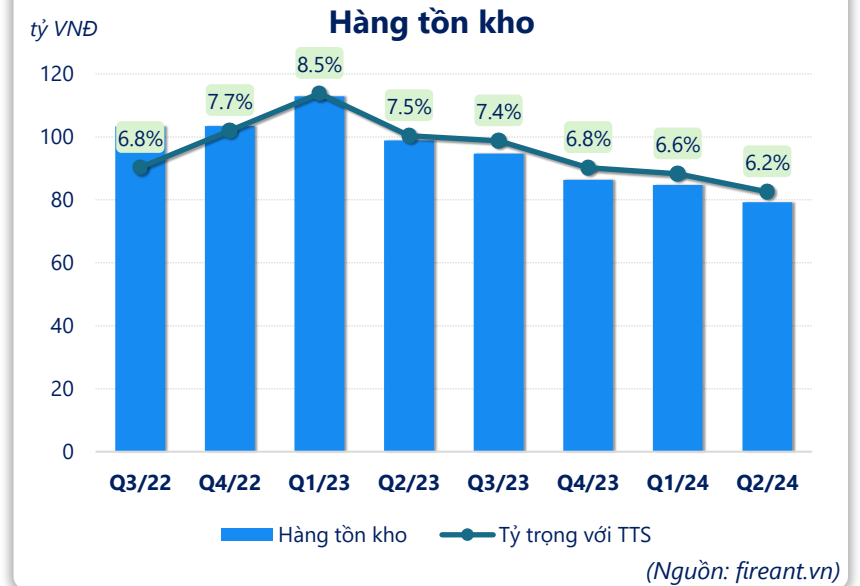
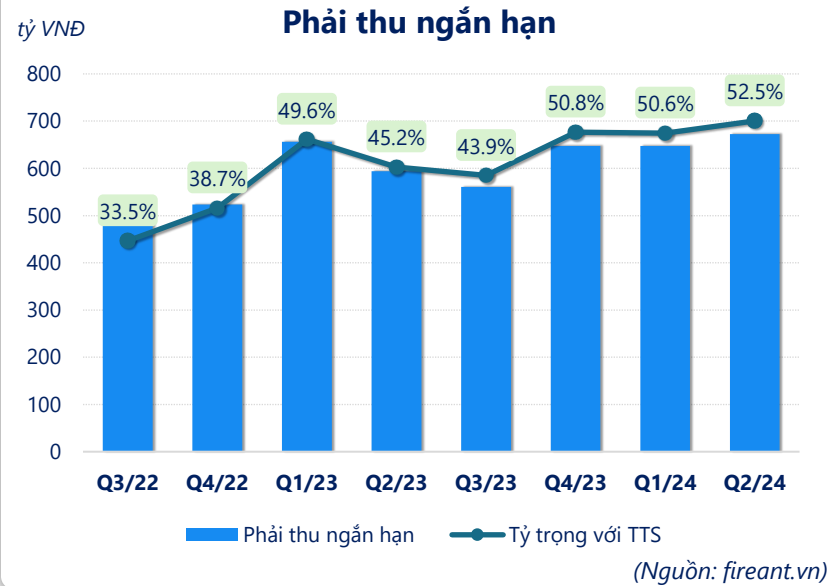
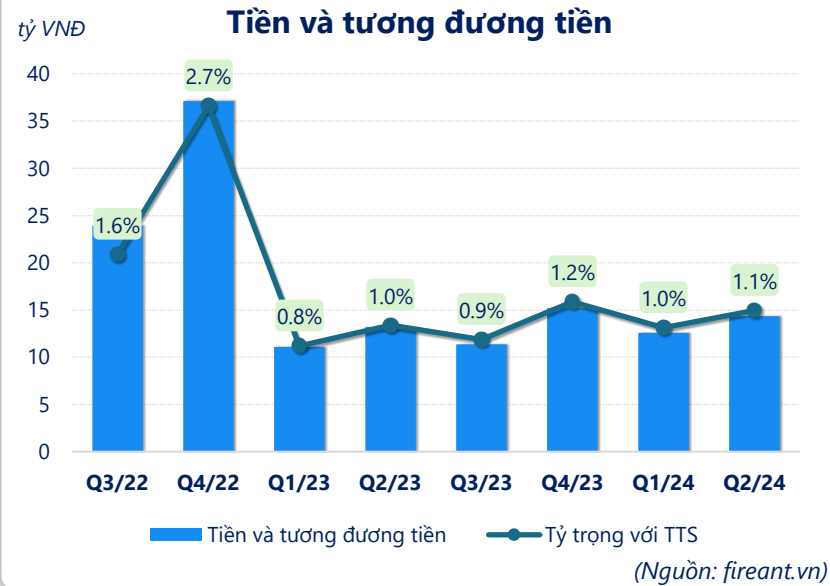
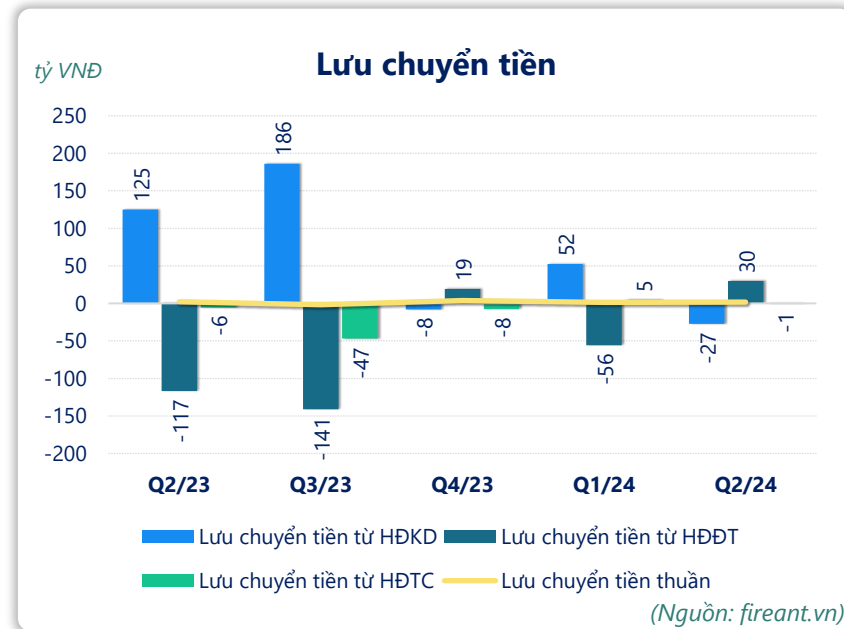
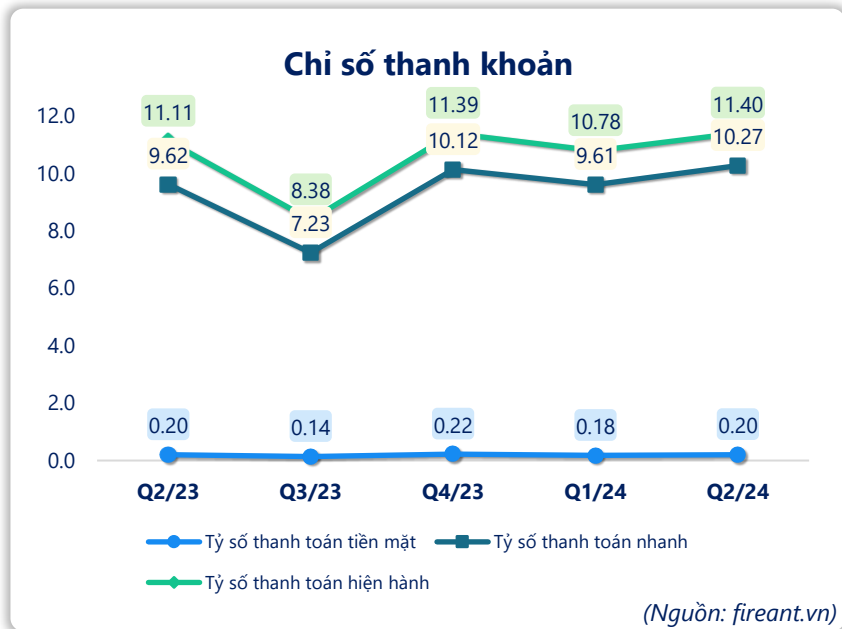
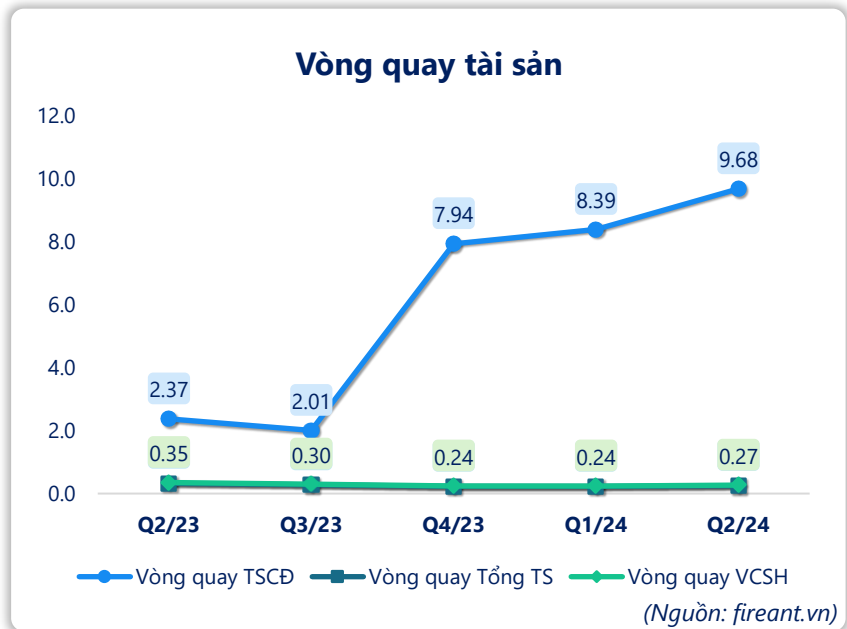
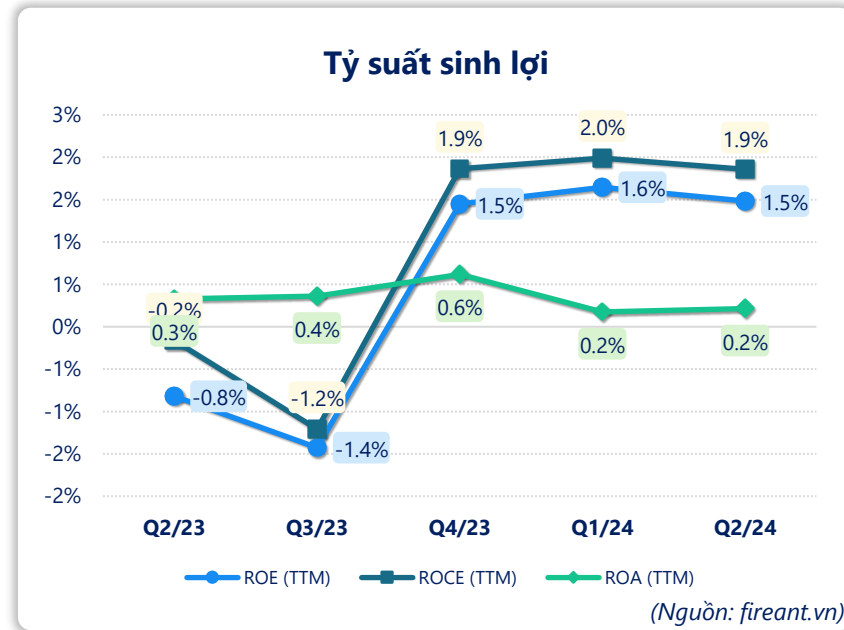
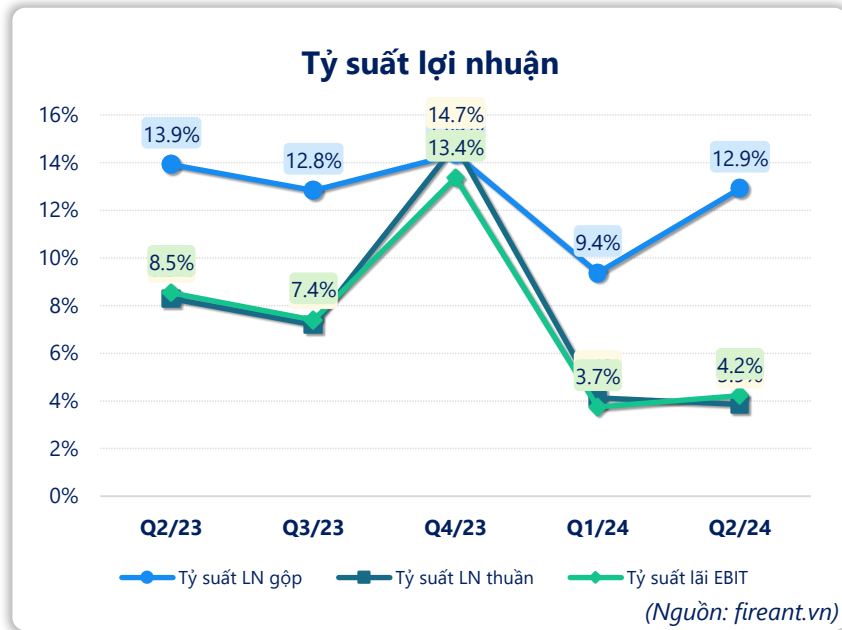
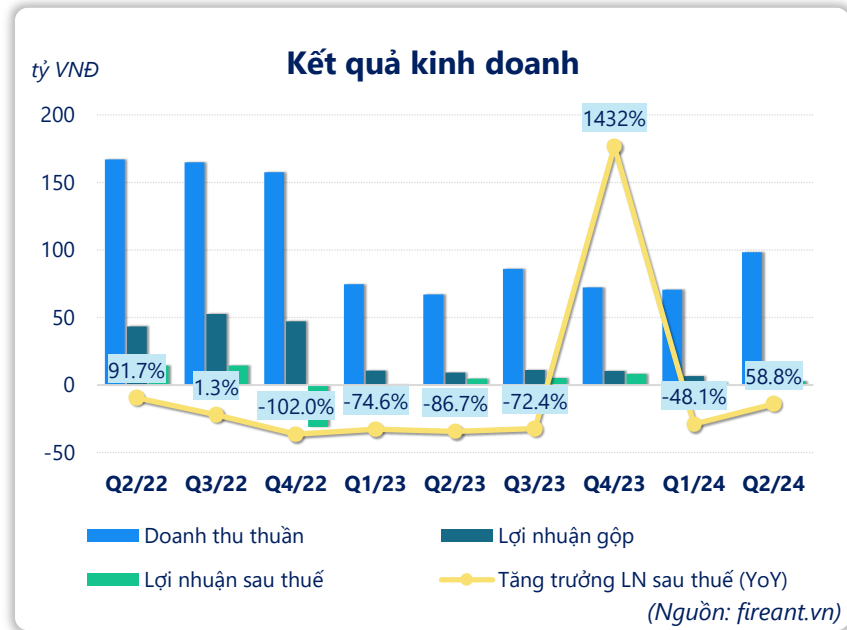


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		4,620
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,560
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,490
SL cổ phiếu LH		110,942,302
KLGD BQ 20 phiên (CP)		96,950
% sở hữu nước ngoài		2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		513
P/E		28.1
EPS		164

	YTD	1T	3T	6T
HAP	-4.9%	-2.9%	-5.5%	-1.7%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,280	1,275	0.4%
Tài sản ngắn hạn	798	777	2.7%
Tiền và tương đương tiền	14.3	11.2	28.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.1	15.1	0.0%
Phải thu ngắn hạn	672	652	3.2%
Hàng tồn kho	79.2	86.3	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	17.1	13.2	29.5%
Tài sản dài hạn	482	498	-3.2%
Phải thu dài hạn	0.35	0.35	0.0%
Tài sản cố định	30.3	31.7	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.14	1.28	67.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	444	459	-3.3%
Tài sản dài hạn khác	4.92	5.28	-6.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.6	71.1	-0.6%
Nợ ngắn hạn	70.0	71.0	-1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.2	14.9	22.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.4	12.4	0.5%
Nợ dài hạn	0.60	0.02	3888%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.58	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,209	1,204	0.4%
Vốn chủ sở hữu	1,209	1,204	0.4%
Vốn điều lệ	1,111	1,111	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	67.1	86.0	72.2	70.7	98.4
Giá vốn hàng bán	57.8	75.0	61.8	64.1	85.7
Lợi nhuận gộp	9.33	11.0	10.4	6.63	12.7
Doanh thu HĐTC	4.23	4.58	13.3	1.86	5.29
Chi phí TC	-6.57	-1.28	-6.03	-3.95	0.63
Chi phí lãi vay	0.31	0.18	0.35	0.13	0.45
LN trong công ty LKLD	1.24	1.32	7.01	1.64	2.44
Chi phí bán hàng	2.65	3.58	3.19	2.82	3.77
Chi phí QLDN	13.2	8.44	22.8	8.35	12.3
LN thuần từ HĐKD	5.56	6.18	10.6	2.92	3.79
Lợi nhuận khác	-0.15	0.00	-1.34	-0.40	-0.09
LN trước thuế	5.42	6.18	9.30	2.52	3.70
Lợi nhuận sau thuế	4.84	5.18	8.30	2.13	2.78
LNST của CĐ cty mẹ	4.69	5.05	8.11	2.28	2.76

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	125	186	-7.91	52.4	-27.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-117	-141	19.3	-55.8	29.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.70	-46.9	-7.58	4.85	-0.90
Tiền đầu kỳ	11.1	13.2	11.4	11.2	12.6
Lưu chuyển tiền thuần	2.09	-1.82	3.81	1.41	1.75
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	13.2	11.4	15.2	12.6	14.3

(Nguồn: fireant.vn)